TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29/5/2025
V/v: Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Danh Pì Sách**

*Các Hội thẩm nhân dân:*1. ông **Vũ Văn Hợp**

2. ông **Hà Ứng Cương**

Thư ký phiên toà: ông **Danh Lý Khang** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa - Ông **Bành Bảo Ngọc** – *Kiểm sát viên*

Ngày 29 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 163/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2025 về việc:*" Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung "* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2025/QĐXX-HNGĐ, ngày 07 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 20 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Võ Tuyết D,** Sinh năm: 1997

Địa chỉ: ấp Minh Tân, xã Minh Hòa, huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang.

* Bị đơn: Anh **Trần Công U**, sinh năm: 1995

Đăng ký hộ khẩu: ấp Hai Tốt, xã Tây Yên A, huyện An B, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: ấp Minh Tân, xã Minh Hòa, huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang.

(Chị D có mặt tại phiên tòa, anh U vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Võ Tuyết D trình bày: Trước đây tôi và anh Trần Công U có quen biết và tìm hiểu nhau, đến năm 2023 thì chúng tôi tiến hành tổ chức đám cưới với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Minh Hòa, huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang.

Thời gian đầu chung sống với nhau, tình cảm vợ chồng rất hạnh phúc và hòa thuận. Tuy nhiên, thời gian sau này vì áp lực cuộc sống nên mối quan hệ vợ chồng không còn được như trước, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất hòa với nhau. Trong quá trình chung sống với nhau thì vợ chồng tôi có một con chung là Trần Võ Bảo Ng (sinh ngày 20/4/2022), ngoài ra không có nợ chung hay tài sản chung. Nhận thấy, tình trạng hôn nhân đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt và tình trạng hôn nhân không thể kéo dài. Vì vậy, tôi làm đơn khởi kiện gửi đến Tòa án nhân dân huyện Châu Thành để yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn với anh Trần Công U;

- Về con chung: Xin tiếp tục nuôi dưỡng người con chung tên Trần Võ Bảo Ng, sinh ngày 20/4/2022, không yêu cầu anh Uẩn cấp dưỡng nuôi con;

- Về tài sản chung: không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 16/4/2025 bị đơn anh Trần Công U có trình bày như sau: Vào năm 2023 tôi và chị Võ Tuyết D có tìm hiểu nhau và sau đó cả 02 có tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã Minh Hòa, huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang, trong quá trình chung sống tôi và chị D có 01 con chung là: Trần Võ Bảo Ng (sinh ngày 20/4/2022). Nay vợ tôi, Võ Tuyết D khởi kiện yêu cầu ly hôn thì tôi không đồng ý, do tôi còn tình cảm với vợ. Về con chung, trong trường hợp Tòa án giải quyết cho tôi và vợ ly hôn, thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Ngoài ra, tôi và vợ là chị Võ Tuyết D không có tài sản chung hay nợ chung.

Tại phiên tòa chị Võ Tuyết D vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và nuôi con chung.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn xét xử kể từ ngày thụ lý vụ án đến ngày Quyết định đưa vụ án ra xét xử là vi phạm quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Tuyết Dân về việc yêu cầu ly hôn với anh Trần Công U

Về con chung: Đề nghị HĐXX giao cháu Trần Võ Bảo Ng (sinh ngày 20/4/2022) cho chị Võ Tuyết D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Do nguyên đơn không có yêu cầu cấp dưỡng, nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về tài sản chung: Chị Võ Tuyết D xác định không có và không yêu cầu, do đó đề nghị HĐXX không xem xét.

Về nợ chung: Chị Võ Tuyết D xác định không có và không yêu cầu, do đó đề nghị HĐXX không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Toà án nhận định:

[1] - *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1] – *Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp*: Ngày 09/4/2025 Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nhận được đơn khởi kiện chị Võ Tuyết D yêu cầu ly hôn và tranh chấp quyền nuôi con với anh Trần Công U, đây là vụ án "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*" theo Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền

giải quyết của Toà án. Bị đơn anh Trần Công U có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: ấp Hai Tốt, xã Tây Yên A, huyện An B, tỉnh Kiên Giang. Tuy nhiên, thời điểm Tòa án tiến hành thụ lý vụ án thì anh Trần Công U đang sinh sống và làm việc tại: ấp Minh Tân, xã Minh Hòa, huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang, do đó căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

[1.2] – *Về sự vắng mặt của đương sự*: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Châu Th đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn, nhưng bị đơn vắng mặt nhiều lần không có lý do chính đáng, nên Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh anh U là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] - *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Võ Tuyết D và anh Trần Công U có sự tự nguyện tìm hiểu nhau, sau đó chung sống với nhau và đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2023 tại UBND xã Minh Hòa, huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Thời gian đầu vợ chồng chị D và anh U chung sống hạnh phúc với nhau, nhưng thời gian gần đây cả hai thường xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống vợ, chồng không còn hạnh phúc nên hai người đã ly thân với nhau từ đầu năm 2025 cho đến nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay Tòa án đã nhiều lần động viên, hòa giải để vợ chồng chị D và anh U được đoàn tụu, nhưng chị D vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với anh U. Do đó, HĐXX nhận thấy mâu thuẫn giữa chị Dân và anh Uẩn đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và đối chiếu theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho chị D và anh U ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]- *Về con chung:* Trong quá trình giải quyết vụ án, chị D có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Trần Võ Bảo N (sinh ngày 20/4/2022), HĐXX nhận thấy hiện tại cháu Ng đang chung sống với chị D và chị

D có yêu cầu được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu, còn về anh U chỉ yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật, không có yêu cầu nuôi con chung, do đó HĐXX nhận thấy, cần tiếp tục giao cháu Ng cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp theo khoản 03 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] - *Về tài sản chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Võ Tuyết D và anh Trần Công U xác định không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề này nếu sau này có phát tranh chấp thì các đương sự có quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

[5] - *Về nợ chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Võ Tuyết D và anh Trần Công Uẩn xác định không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] - Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

[7] - Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị D là nguyên đơn do đó phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147,Điều 227, Điều 232, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Khoản 2 Điều 53; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Tuyết D về việc "*Tranh chấp yêu cầu ly hôn, nuôi con chung*" với bị đơn anh Trần Cần U.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Võ Tuyết D được ly hôn với anh Trần Cần U.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Võ Bảo Ng (sinh ngày 20/4/2022) cho chị Võ Tuyết D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo. Do chị D không có yêu cầu cấp dưỡng nên HĐXX không xem xét.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con không lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

3. Về tài sản chung: Chị Võ Tuyết D và anh Trần Công U xác định không có và không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Võ Tuyết D và anh Trần Công U xác định không có và không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

5. Về án phí: Buộc chị Võ Tuyết D phải chịu các khoản án phí gồm: án phí ly hôn với số tiền là 300.000 đồng, nhưng chị D được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010637, ngày 10/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, chị D không phải nộp thêm.

6. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30

Luật Thi hành án dân sự.

7. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *Viện Kiểm sát huyện Châu Thành;*
- *Chi cục THADS huyện Châu Thành;*
- *UBND xã Minh Hòa, H. Châu Thành;*
- *UBND xã Tây Yên A, H. An Biên*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Danh Pì Sách